

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Tên dự án: Mua sắm nhu yếu phẩm 6 tháng đầu năm 2026 phục vụ phạm nhân tại Trại giam Xuyên Mộc.
- Tên gói thầu: Mua sắm nhu yếu phẩm 6 tháng đầu năm 2026 phục vụ phạm nhân tại Trại giam Xuyên Mộc
- Chủ đầu tư: Trại giam Xuyên Mộc.
- Nguồn vốn thực hiện gói thầu: Nguồn ngân sách nhà nước
- Hình thức đấu thầu: Chào hàng cạnh tranh thông thường, lựa chọn nhà thầu qua mạng.
- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 180 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Nhà thầu phải cam kết trong trường hợp trúng thầu sẽ cung cấp hàng hóa và dịch vụ đúng yêu cầu về số lượng, chất lượng trong hồ sơ mời thầu đồng thời cam kết Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng.
- Hàng hoá chào thầu trong E-HSĐT của nhà thầu phải đáp ứng về chủng loại, số lượng, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và có chỉ tiêu kỹ thuật đáp ứng theo các yêu cầu dưới đây.
- Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu, chất liệu nào nếu có trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ theo các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của E-HSMT.
- Nhà thầu phải chào giá bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định chính sách miễn, giảm thuế của Chính phủ.

Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng
A	Bàn chải đánh răng				
	Quy cách		1 cái/vỉ	Cái	7400
1	Hình dạng		Dạng cây, bàn chải không gây hại đến sức khỏe người sử dụng và không ảnh hưởng đến môi trường		
2	Cán bàn chải		Nhựa PP, bề mặt sạch, ngoại hình trơn, bóng, không có tạp chất, không có các vết nứt và nổi bong bóng không được lớn hơn 1mm ² . Cán bàn chải không được có bavìa có thể gây tổn thương đến cơ thể con người.		
3	Lông bàn chải		Sợi đều, thẳng, khóm lông dày, khoảng cách lông vừa phải, vết xơ lông không được phép hướng về đầu bàn chải, bề mặt lông sạch.		
4	Đóng gói		Hàng mới 100%; 01 bàn chải được đóng trong 01 túi bóng kín hoặc vật liệu bao bì khác để đảm bảo chất lượng sản phẩm.		
5	Chiều dài	Mm	170 – 200		
6	Chiều rộng phần cắm lông	Mm	12 – 14		
7	Chiều cao trung bình của sợi lông	Mm	9 – 11		
8	Số sợi lông trong một lỗ		22 – 30		
9	Số lỗ cắm sợi lông		35 – 45		

B	Kem đánh răng				
	Quy cách		150 g/tuyp	Tuyp	7400
1	Ngoại quan				
2	Hình dạng bên ngoài		Thẻ kem đồng nhất, bóng mịn, không vón cục, không tách nước, không có các tạp chất khác.		
3	Mùi		Thơm nhẹ, dễ chịu, đặc trưng cho từng loại sản phẩm.		
4	Vị		Cay nhẹ, hơi ngọt hoặc hơi mặn, không được có vị lạ.		
5	Màu sắc		Đồng đều, đặc trưng cho từng loại sản phẩm.		
6	Đóng gói		Sản phẩm đóng gói trọng lượng 150g/tuyp		
	Các chỉ tiêu vệ sinh và an toàn				
7	Độ pH của dung dịch 2%		< 7,0 – 9,0		
8	Hàm lượng kim loại nặng (qui ra chì)	ppm	< 3		
9	Hàm lượng asen	ppm	< 2		
	Các tiêu chí hóa lý				
10	Tính ổn định ở điều kiện nhiệt độ 40, 45oC trong 48 giờ		Thẻ kem phải đồng đều, bóng mịn bóp thành thoi mềm, có lỗ thoát bọt, không bị khô, không chảy nước, giữ được mùi thơm tự nhiên đặc trưng.		
11	Hàm lượng glyxerin	%	< 15		

12	Hàm lượng nước	%	40 – 50		
13	Hàm lượng cacbonat, tính theo canxi cacbonat	%	> 30		
14	Thể tích cặn bột của dung dịch 1%, tính bằng ml	%	> 200		
15	Hạn sử dụng	%	Ít nhất 12 tháng kể từ ngày bàn giao nhu yếu phẩm		
	Phiếu kết quả kiểm nghiệm của đơn vị có chức năng				
C	Dầu gội				
	Quy cách		200 ml/chai	Chai	7400
	Về cảm quan				
1	Mô tả hình dạng		Lỏng sánh, đồng nhất, không tách lớp, phân tầng và kết tủa khi biến đổi nhiệt độ nhỏ hơn 10 ^o c và lớn hơn 45 ^o c		
2	Đóng gói		Sản phẩm đóng dung tích 200ml/chai		
3	Màu		Trắng		
4	Mùi		Dễ chịu, đặc trưng		
5	Thành phần		Nước, màu, mùi thơm (hương liệu), HEC, CMC, Zarum261, CDE, P7, P47, CAB, Silicon, Glycerine, Sodium, Sorbitol, Lauryl ether, Sunfate, Ete,... Các phụ gia khác với hàm lượng vừa đủ		
	Thông số kỹ thuật				

6	pH		4 – 8		
7	Hàm lượng chất hoạt động bề mặt	%	< 10		
8	Hàm lượng kim loại nặng (qui ra chì)	Mg/kg	< 2		
9	Hàm lượng Asen	Mg/kg	< 1		
10	Độ kích ứng da		Không đáng kể		
11	Vi khuẩn và nấm mốc				
12	Vi khuẩn staphylococcus aureus, candida albicans và pseudomonas aeruginosa		Không được phép		
13	Tổng số nấm mốc sống lại được	số lượng/ gam mẫu	< 100		
14	Tổng số vi khuẩn hiếu khí sống lại được	số lượng/ gam mẫu	< 1000		
15	Tổng số Enterobacteria và các vi khuẩn Gram âm khác	số lượng gam/ mẫu	< 10		
16	Độ phân hủy sinh học	%	> 90		
17	Quy cách đóng gói	Chai	200ml/chai		

18	Hạn sử dụng		Ít nhất 12 tháng kể từ ngày bàn giao hàng hóa		
D	Xà phòng giặt				
	Quy cách		300 gam/túi	Túi	22200
1	Trạng thái		Hỗn hợp đồng nhất ở dạng bột hoặc hạt, toi xốp, không vón cục		
2	Màu		Màu trắng hoặc cho phép điểm các hạt phụ gia xanh nhạt hoặc màu		
3	Mùi		Có mùi thơm dễ chịu, đặc trưng theo từng loại sản phẩm, không có mùi hôi, chua của mỡ bị phân hủy.		
4	Đóng gói		Túi đựng: Màng PE Sản phẩm đóng gói trọng lượng 300g/gói		
	Tiêu chuẩn kỹ thuật				
5	Hàm lượng chất hoạt động bề mặt	%	> 20		
6	pH của dung dịch bột giặt 1% trong nước	%	9 – 12		
7	Hàm lượng photpho (theo P2O5)	%	> 5		
8	Hàm lượng chất không tan trong nước (ở 25oC)	%	< 3		
9	Hàm lượng nước và các chất bay hơi	%	< 12		
10	Độ phân hủy sinh học	%	> 90		

11	Quy cách đóng gói	Túi	300g/túi		
12	Hạn sử dụng		Ít nhất 12 tháng kể từ ngày bàn giao hàng hóa		
	Hãng sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015				

Nhà thầu phải cam kết:

- Hàng hóa cung cấp mới 100%, đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
- Cam kết 01 đổi 01 đối với hàng hóa bị lỗi do nhà sản xuất hoặc bị lỗi do quá trình vận chuyển hoặc trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng.
- Cam kết có đủ điều kiện kinh doanh hàng hóa như yêu cầu của E-HSMT.

Nhà thầu có đề xuất nội dung và phương thức bảo hành rõ ràng, hợp lý: Nêu rõ nội dung, trách nhiệm, khắc phục sự cố, ... Đảm bảo có mặt trong vòng 24h kể từ lúc chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng yêu cầu để thực hiện nghĩa vụ.

Mục 2. Bản vẽ: không yêu cầu

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm, kiểm nghiệm đối với toàn bộ hàng hóa cung cấp để khẳng định các hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng.

- Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm, kiểm nghiệm từng giai đoạn mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo E-HSDT hoặc theo hợp đồng thì theo thứ tự ưu tiên; một là Chủ đầu tư có quyền từ chối thương thảo hoặc hủy hợp đồng; hai là cho phép nhà thầu thay thế bằng hàng hóa khác để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật nhưng không ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng. Mọi chi phí liên quan đến kiểm tra, kiểm nghiệm và kiểm định hàng hóa do nhà thầu chịu.

- Nhà thầu có nghĩa vụ cung cấp hàng mẫu theo quy định đến địa điểm của Chủ đầu tư trong vòng 05 ngày kể từ thời điểm nhận được yêu cầu của chủ đầu tư, để các bên liên quan cùng kiểm tra và thử nghiệm thực tế. Kết quả kiểm tra và thử nghiệm thực tế được so sánh và đối chiếu với nội dung Nhà thầu kê khai dự thầu nhằm đánh giá chính xác về Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và tính trung thực của E-HSDT. Trường hợp nhà thầu cố tình không cung cấp hàng hóa để kiểm tra và thử nghiệm thực tế hoặc có cung cấp nhưng kết quả kiểm tra và thử nghiệm thực tế không đúng với các thông tin nhà thầu kê khai dự thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là có hành vi gian lận.